| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 17-5-2023
V/v: Ly hôn giữa chị H và Anh K

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Vũ Thị Mai Hương

*Các thẩm phán:* Bà Vũ Thị Thu

Ông Lại Văn Tùng

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Lan Anh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:***

Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02-02-2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 177/2023/HNGĐ-ST ngày 19-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐ-PT ngày 28-4-2023 giữa các đương sự:

**+Nguyên đơn:**Chị Phạm Thị H - Sinh năm 1976

ĐKHKTT: Thôn Bùi C - xã Xuân N - huyện Xuân T - tỉnh Nam Định

Nơi thường trú: Xóm 15 - xã Xuân H - huyện Xuân T - tỉnh Nam Định

**+ Bị đơn:**Anh Trần Hữu K - Sinh năm 1973

ĐKHKTT: Thôn Bùi C - xã Xuân N - huyện Xuân T - tỉnh Nam Định

Nơi thường trú: Xóm 15 - xã Xuân H - huyện Xuân T - tỉnh Nam Định

**+ Người kháng cáo:**Bị đơn anh Trần Hữu K.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Hữu K tự do tìm hiểu, tự nguyệnđăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân N - huyện Xuân T - tỉnh Nam Định vào ngày 08/11/1994. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó hay xảy ra mẫu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ, mặt khác để giải thoát cho cả hai có cuộc sống ổn định riêng nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh Trần Hữu K.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Trần Hữu N sinh ngày 21/6/1995, và Trần Hữu A sinh ngày 24/5/2006. Đối với cháu Ninh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu Trần Hữu A và không yêu cầu Anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Trần Hữu K trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị H về thời gian, địa điểm kết hôn.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai con, trong cuộc sống vợ chồng có xô xát nhưng chỉ là mức độ nhỏ, không chỉ gia đình anh mà bao gia đình khác cũng thế, cuộc sống của anh và chị H vẫn diễn ra bình thường, anh không có bạo hành gì với chị H, còn chị H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do tính cách lối sống cái đó cũng chỉ là một phần. Anh không hiểu lý do gì mà chị H lại làm đơn xin ly hôn anh ra Tòa án. Anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, hạnh phúc chưa đến mức tan vỡ, anh mong muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dậy con cái, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày là đúng; Trong trường hợp ly hôn nguyện vọng của anh là xin nhận nuôi cháu Trần Hữu A và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.Đối với cháu Ninh đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Kết quả thu thập chứng cứ tại UBND xã Xuân N.*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Hữu K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân N - huyện Xuân T - tỉnh Nam Định vào ngày 08/11/1994. Anh K và chị H có hộ khẩu tại xã Xuân N - huyện Xuân T, nhưng Anh K và chị H lại sinh sống làm ăn ở xã Xuân H - huyện Xuân T - tỉnh Nam Định, nên mâu thuẫn giữa chị H và Anh K như thế nào thì cơ sở không nắm được. Hiện nay chị Phạm Thị H xin ly hôn nhưng Anh K không nhất trí, đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế của anh chị để giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị H và Anh K có hai con chung tên là Trần Hữu N sinh ngày 21/6/1995 và Trần Hữu A sinh ngày 24/5/2006. Khi ly hôn theo như bản khai của cháu A là xin ở với chị H, để đảm bảo quyền lợi cho cháu A thì đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu A nên giao cho chị H nuôi cháu A và Anh K không phải cấp dưỡng là phù hợp.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 177/2022/HNGĐ-ST ngày 19-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Hữu K.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con Trần Hữu A, sinh ngày 24/5/2006. Anh Trần Hữu K không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 26/12/2022, bị đơn anh Trần Hữu K có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự trong vụ án không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Trần Hữu K trình bày và tranh luận về yêu cầu kháng cáo như sau: Vợ chồng anh chị vẫn còn tình cảm với nhau, mục đích chị H muốn ly hôn để

thông qua người môi giới kết hôn giả với người ở nước ngoài rồi đi ra nước ngoài làm ăn. Hôm nay anh chị vẫn đi cùng xe để lên Tòa án. Hoàn cảnh gia đình có khó khăn vì con trai lớn đang đi thụ án về tội ma túy, để con nhỏ ở nhà cho anh chị nuôi dưỡng, bố mẹ già trên 90 tuổi rất cần người phụng dưỡng chăm sóc, con trai bé đang học cấp 3, vì vậy anh không nhất trí ly hôn mà vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ về chung sống để nuôi dạy các con. Nếu chị H vẫn muốn ly hôn thì đợi con trai lớn đi thụ án về và con trai bé trưởng thành đủ 18 tuổi, thì lúc đó anh sẽ nhất trí ly hôn.

- Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày ý kiến, tranh luận như sau: Không phải mục đích chị H ly hôn để kết hôn với người khác để đi ra nước ngoài, mà bạn của chị H thấy tâm trạng của chị H buồn chán nên mời chị H ra nước ngoài chơi một thời gian. Hiện tại chị H không còn tình cảm vợ chồng với Anh K, hiện nay kinh tế Anh K và chị H độc lập - không chia sẻ nói chuyện với nhau về việc làm ăn kinh doanh của nhau, cuộc sống vợ chồng tẻ nhạt và ngột ngạt khoảng 4 năm nay rồi. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn Anh K, chị không muốn vợ chồng đoàn tụ.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy cuộc sống vợ chồng của chị H - Anh K hiện không còn tình cảm, chị H không còn tình cảm với Anh K, Anh K muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Như vậy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cấp sơ thẩm đã xử cho chị H và Anh K ly hôn là phù hợp với các quy định của Luật HNGĐ.

Lý do kháng cáo anh Trần Hữu K nêu ra để vợ chồng đoàn tụ là không có căn cứ pháp lý, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Hữu K, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn anh Trần Hữu K làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Hữu K:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

+ Về nội dung:Chị Phạm Thị H và anh Trần Hữu K tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân N - huyện Xuân T - tỉnh Nam Định vào năm 1994, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị H làm đơn đề nghị xin được ly hôn Anh K.

Anh K cho rằng hiện vợ chồng vẫn còn tình cảm, anh không muốn ly hôn. Tuy nhiên chị H xác định hiện hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, vợ chồng kinh tế độc lập, không chia sẻ nói chuyện với nhau về việc làm ăn kinh doanh của nhau, chị H không còn tình cảm với Anh K, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt tẻ nhạt từ cách đây 4 năm rồi, chị H muốn được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Nhận thấy, cuộc sống chung vợ chồng của Anh K và chị H, hiện chỉ Anh K nói là còn tình cảm với chị H, còn chị H xác định không còn tình cảm với Anh K. Anh K cũng không đưa ra được biện pháp cải thiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị H vẫn giữ quan điểm không muốn vợ chồng đoàn tụ mà nhất quyết xin ly hôn Anh K. Như vậy, cuộc hôn nhân của Anh K và chị Htình cảm không còn xuất phát từ hai phía, cả hai không còn tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, vì vậy cấp sơ thẩm đã xử ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Hữu Klà có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quyền nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị Phạm Thị H và anh Trần Hữu Kcó 02 con chung là cháu Trần Hữu N sinh ngày 21-6-1995, cháu Trần Hữu A sinh ngày 24-5-2006.

Hiện cháu Trần Hữu N đã thành niên, tự lập được cuộc sống. Cháu Trần Hữu A chưa thành niên, vẫn cần sự quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục thường xuyên của cha mẹ để cho cháu được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ

và tinh thần; Căn cứ vào điều kiện công việc, môi trường nơi ở hiện tại, thấy cấp sơ thẩm đã xét xử giao chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hữu A, là có căn cứ pháp lý - phù hợp thực tế, bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên theo quy định của Luật trẻ em và Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu xem xét tài sản chung, công nợ chungcủa vợ chồng, nhận thấy quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, anh Trần Hữu K và chị Phạm Thị H đều không có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết. Tại cấp phúc thẩm, Anh K lại đề nghị xem xét giải quyết tài sản chung, công nợ chung; theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét yêu cầu này của Anh K.

Kháng cáo của anh Trần Hữu K đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án là không có căn cứ pháp lý nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Trần Hữu K không được chấp nhận nên Anh K phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

**2.** Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Hữu K; Giữ nguyên các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 177/2022/HNGĐ-ST ngày 19-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân T - tỉnh Nam Định.

**3.** Án phí dân sự phúc thẩm:Anh Trần Hữu K phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm Anh K đã nộp tại biên lai số 0003151 ngày 26-12-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân T, xác định anh Trần Hữu K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

**4.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(đã ký)***

**Vũ Thị Mai Hương**

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh NĐ
- TAND huyện Xuân T;
- Chi cục THADS huyện Xuân T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.